ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 533 /BC-UBND	*Kông Chro, ngày 12 tháng 9 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình và kết quả thực hiện Cải cách hành chính Quý III năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC 3 tháng cuối năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Công văn số 359/SNV-TCBC&CCHC ngày 28/02/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, UBND huyện Kông Chro báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính Quý III năm 2022, phương hướng nhiệm vụ công tác CCHC 3 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)

Tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2022 và các văn bản chỉ đạo của cấp trên tại đơn vị mình trên cơ sở cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch CCHC huyện.

Trong Quý III năm 2022, UBND huyện đã ban hành 23 văn bản về triển khai các nhiệm vụ CCHC trong năm 2022 (trong đó: 01 Quyết định, 02 Kế hoạch, 11 Thông báo và 09 Công văn).

2. Về kế hoạch CCHC

Cuối năm 2021, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2022 của huyện Kông Chro, với những mục tiêu cụ thể về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử; công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

UBND huyện đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra đúng thời gian quy định.

3. Về kiểm tra CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 31/3/2022 về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2022 và Thông báo số 18/TB-UBND ngày 06/6/2022 về lịch kiểm tra công tác CCHC năm 2022. Văn phòng HĐND và UBND huyện phối hợp với Phòng Nội vụ tiến hành kiểm tra tại 09 đơn vị và UBND các xã gồm: Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin và UBND 05 xã: Kông Yang, Đăk Kơ Ning, Chư Krey, An Trung, Chơ Glong, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ

CCHC theo kế hoạch đề ra tại các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn, đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế một cửa, triển khai thực hiện cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn huyện.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Cuối năm 2021, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2022 của huyện Kông Chro. Kế hoạch đã đề ra 08 hình thức, biện pháp thực hiện công tác tuyên truyền. Đến nay, UBND huyện duy trì thực hiện công tác cập nhật, công bố, công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, UBND cấp xã và Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử; công khai các hình thức phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; xây dựng chuyên mục, chuyên trang và cập nhật thông tin về CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện, xã; tăng cường tuyên truyền CCHC trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, địa phương bằng nhiều hình thức phù hợp: tuyên truyền trên Hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn huyện; tuyên truyền bằng pa nô, áp phích, tờ gấp về CCHC, chương trình tuyên truyền tổng hợp tại các xã vùng sâu, vùng xa; duy trì thực hiện các hình thức tuyên truyền khác theo Kế hoạch đã đề ra.

Trong Quý III, Hệ thống truyền hình - phát thanh đã phát thanh, đưa tin 05 tin bài tuyên truyền về CCHC; cập nhật thông tin trên Cổng TTĐT huyện đăng 15 văn bản, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện; lồng ghép với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các buổi tiếp xúc cử tri, các buổi họp thôn làng 92 buổi với 6.721 lượt người tham gia, 06 băng rôn tuyên truyền, …

5. Về thực hiện các nhiệm vụ

UBND huyện đã triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao theo đúng thời gian quy định. Trong Quý III năm 2022, UBND huyện nhận được 09 văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Đến nay đã thực hiện hoàn thành đúng hạn 09 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Thực hiện Kế hoạch số 2170/KH-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 11/ KH-UBND ngày 17/01/2022 về việc triển khai công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn huyện Kông Chro. Trong quý III năm 2022, UBND huyện đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật (*Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai*), cấp xã không phát sinh văn bản quy phạm pháp luật.

Hiện tại có 02 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang xây dựng (*Quyết định của UBND huyện về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ*

cấu tổ chức của Phòng Lao động - TB&&XH huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai; Quyết định của UBND huyện về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai).

- Về chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện công tác này và UBND các xã, thị trấn thường xuyên nghiên cứu, triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Để công tác này đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng, đúng thể thức, trình tự, thủ tục theo quy định khi cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện đã thực hiện tương đối đảm bảo, đã ban hành tương đối đầy đủ Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện (Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện Kông Chro về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Kông Chro).

Công tác tham mưu của các bộ phận chuyên môn đã có những tiến bộ rõ nét, tạo được sự chuyển biến tốt trong chỉ đạo, điều hành công tác theo dõi thi hành pháp luật. Hiện nay trên địa bàn huyện có 22 người làm công tác theo dõi thi hành pháp luật hoạt động kiêm nhiệm.

Trong quý III, UBND huyện đã giao cho Phòng Tư pháp phối hợp thực hiện 01 cuộc điều tra, khảo sát theo dõi thi hành pháp luật do cấp tỉnh triển khai (24 phiếu) và tổ chức thực hiện 01 cuộc khảo sát do cấp huyện triển khai (34 phiếu) trong các lĩnh vực: Thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bối cảnh dịch Covid-19; Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Chế độ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện định kỳ, đột xuất và theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan cấp trên đảm bảo đúng thời gian quy định.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Căn cứ nhiệm vụ được giao và tình hình ở địa phương, ngày 11/01/2022 UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Kông Chro năm 2022.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện. Trong quý III năm 2022, UBND các xã, thị trấn đã phối hợp với các đoàn thể cùng cấp có liên

quan và các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, cụ thể:

-Tuyên truyền: Trực tiếp bằng lời nói được 52 buổi, với hơn 4.616 lượt người tham dự.

- Tuyên truyền qua hệ thống loa di động được 56 lượt mỗi lượt từ 30 đến 45 phút.

- Tuyên truyền qua băng rôn, Panô, áp phích là 30 cái.

Nhìn chung công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai tích cực, rộng rãi đến cán bộ và nhân dân đã đạt kết quả nhất định, có định hướng, đi vào trọng tâm, trọng điểm. Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được đổi mới, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhân dân, đặc biệt là quan tâm phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù. Đội ngũ tuyên truyền viên được kiện toàn củng cố, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Nhận thức pháp luật của cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn huyện từng bước được nâng lên, khơi dậy lòng yêu nước, nhất là qua các đợt tuyên truyền về biển đảo, góp phần phòng ngừa sai phạm, tiêu cực, nâng cao tinh thần đấu tranh trấn áp tội phạm, ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tinh thần mạnh dạn tố giác tội phạm trong quần chúng nhân dân, phục vụ có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật).

- Công tác kiểm tra, xử lý văn bản:

+ Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐCP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành phối hợp với Phòng Tư pháp tham mưu giúp UBND huyện tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân huyện ban hành. Trong quý III năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện đã tự kiểm tra 01 văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện ban hành.

+ Kết quả tự kiểm tra văn bản: Không có văn bản ban hành trái pháp luật hay sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày, số liệu văn bản quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CPcủa Chính phủ.

- Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền: Trong quý III năm 2022, UBND cấp xã không có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nên không thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền.

- Rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

+ Số văn bản rà soát: Việc thực hiện rà soát văn bản của UBND huyện đã giao phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành tổ chức thực hiện khi có sự thay đổi về tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Trong quý III năm 2022, UBND huyện đã tiến hành rà soát 02 văn bản quy phạm pháp luật.

+ Kết quả rà soát văn bản: Qua rà soát, có 02 văn bản hết hiệu lực toàn phần với lý do căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực.

+ Tình hình xử lý văn bản sau rà soát: 02 văn bản đang xử lý (đang xây dựng Quyết định thay thế); 0 văn bản chưa xử lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

UBND huyện đăng ký nội dung rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 với thủ tục chuyển trường đối với học sinh tiểu học tại Công văn số 33/UBND-NC ngày 06/01/2022 và thường xuyên chỉ đạo các đơn vị, địa phương trực thuộc thực hiện rà soát kiến nghị cấp có thẩm quyền loại bỏ những giấy tờ, thủ tục không cần thiết nhằm đơn giản hóa các TTHC cho người dân.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện là: 280 thủ tục.

Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã là: 173 thủ tục.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa như cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động.

Ngày 25/01/2021, UBND huyện đã chuyển Bộ phận một cửa cấp huyện sang Bưu điện thực hiện, tất cả các TTHC được tiếp nhận tại Bưu điện huyện.

Hoạt động của Bộ phận Một cửa huyện (tại Bưu điện huyện) và UBND các xã, thị trấn hoạt động ổn định; cơ sở vật chất như máy tính, máy in, hệ thống Một cửa điện tử được đảm bảo; Nhân viên Bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa huyện và công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các xã, thị trấn phối hợp và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

+ Số lượng hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện trong Quý III năm 2022 (*tính đến 08/9/2022*) đã tiếp nhận 1.003 hồ sơ (Trong đó: *Đất đai 292 hồ sơ; Giáo dục và Đào tạo 11 hồ sơ; Quản lý hoạt động xây dựng 20 hồ sơ; Hệ thống văn bằng, chứng chỉ 02 hồ sơ; Tư pháp 01 hồ sơ; Bảo trợ xã hội 621 hồ sơ; Tôn giáo Chính phủ 02 hồ sơ; Thi đua - khen thưởng 06 hồ sơ; Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) 44 hồ sơ; lưu thông hàng hóa 04 hồ sơ*). Thực hiện trả kết quả 773 hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn; còn lại 230 hồ sơ đang xử lý trong hạn. Trong đó có 313 hồ sơ sử dụng dịch vụ bưu chính công ích chiếm 31.2%; Dịch vụ công mức độ 3, 4 có 160 hồ sơ chiếm 23.4% (160/685 hồ sơ).

+ Số lượng hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp xã trong Quý III năm 2022 (*tính đến 09/9/2022*) là 2.782 hồ sơ. Trong đó, Hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 2.744 hồ sơ; đang giải quyết 38 hồ sơ.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

Việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày

04/5/2018, chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, ban ngành thuộc huyện, Chủ tịch UBND cấp xã triển khai thực hiện phổ biến thông tin, niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai.

Trong Quý III trên địa bàn huyện không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND huyện đã triển khai đánh giá việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa huyện bằng cách: Trên mỗi hồ sơ, Bộ phận một cửa phát cho cá nhân, tổ chức phiếu đánh giá (mẫu số 1 ban hành kèm theo Quyết định 677/QĐ-UBND) kèm phiếu hẹn trả kết quả và thu lại phiếu khi trả kết quả cho cá nhân, tổ chức. Kết quả: Trong Quý III đã phát và thu được 190 phiếu.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Công tác rà soát, quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện luôn được thực hiện theo quy định. Xác định rõ những chức năng, nhiệm vụ có tính tương đồng, gần nhau giữa các cơ quan để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục hiện tượng chồng chéo, bỏ sót và giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ. UBND huyện ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Kông Chro; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng HĐND và UBND huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

3.2. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Hiện nay, toàn huyện có 12 phòng chuyên môn và 33 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị cũng đã xây dựng quy chế làm việc của cơ quan mình nhằm cải tiến chế độ làm việc, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính đối với công tác cải cách hành chính ở địa phương.

3.3. Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:

UBND huyện sử dụng đảm bảo đúng số lượng biên chế mà UBND tỉnh giao cho huyện, cụ thể: Biên chế hành chính giao là 77 người, có mặt là 74 người; Hợp đồng NĐ 68 là 39 người, có mặt là 38 người; Biên chế sự nghiệp giao là 832 người, có mặt là 738 người.

3.4. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước:

Thực hiện phân cấp quản lý về nguồn nhân lực, về tài chính (khoán kinh phí chi tiêu cho các cơ quan, đơn vị). Mục tiêu cơ bản của việc phân cấp quản lý là phát huy dân chủ, nâng cao tính chủ động, năng động của các cấp quản lý gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nhất định. Bên cạnh đó, phân cấp quản lý cũng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý hành chính, do đó việc phân cấp quản lý hoạt động hành chính là hết sức quan trọng và cần thiết.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:

Các cơ quan chuyên môn, đơn vị đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu vị trí công tác, từ đó hiệu quả công việc được nâng cao rõ rệt.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trạm Quản lý nước và Công tình đô thị huyện.

4.2. Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):

Trong Quý III năm 2022, UBND huyện chưa thực hiện công tác tuyển dụng viên chức. Tuyển dụng công chức xã năm 2022, đã tổ chức thi tuyển và xét tuyển trong tháng 6/2022, kết quả đã tuyển dụng được 14 công chức cấp xã, thực hiện đúng quy trình tuyển dụng công chức theo quy định.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:

Trong Quý III năm 2022, UBND huyện đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 0 trường hợp.

4.4. Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:

Trong Quý III năm 2022, trên địa bàn huyện chưa thực hiện công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị.

4.5. Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:

Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; chưa phát hiện các trường hợp vi phạm.

4.6. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 18/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

Trong Quý III, UBND huyện đã cử 28 CBCCVC tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, cụ thể sau:

+ Cử 01 công chức tham gia Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên chính năm 2022.

+ Cử 03 cán bộ cấp xã tham gia lớp Bồi dưỡng Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam cấp xã năm 2022.

+ Cử 09 cán bộ cấp xã tham gia lớp Bồi dưỡng Bí thư Đảng ủy cấp xã năm 2022.

+ Cử 05 cán bộ, công chức thuộc đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh (khóa 101) năm 2022.

+ Cử 10 cán bộ cấp xã tham gia lớp Bồi dưỡng Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND -UBND cấp xã (lớp thứ nhất) năm 2022.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách.

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao.

Thu ngân sách từ đầu năm đến nay (*tính đến ngày 06/9/2022*) được 30,089/21,06 tỷ đồng đạt 142.87% dự toán giao.

- Tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công.

- Đến 31/8/2022 tổng kế hoạch vốn giao đang triển khai thực hiện 47.532 triệu đồng. Trong đó nguồn vốn ngân sách Trung ương 1.540 triệu, vốn ngân sách tỉnh 5.790 triệu đồng, vốn tỉnh phân cấp huyện quyết định đầu tư 25.450 triệu đồng và Vốn ngân sách huyện giao dự toán, vốn khác 14.752 triệu đồng.

- Tiến độ thực hiện các công trình đến 31/8/2022 ước đạt 60% kế hoạch vốn giao**,** trong đó: 13 công trình đã thi công hoàn thành; 08 công trình đang triển khai thi công; 02 công trình đang vướng tranh chấp mặt bằng chưa triển khai thi công; 05 công trình chuẩn bị đầu tư đang lập các thủ tục để trình thẩm định, phê duyệt dự án; 01 công trình đang chờ đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện các bước tiếp theo; 01 công trình đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa có mặt bằng thực hiện dự án.

- Tổng vốn giải ngân đến ngày 31/8/2022: 28.632/47.532 triệu đồng đạt 60% kế hoạch vốn đã giao.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

Trong Quý III, không có thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Việc triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng quy định. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện thống nhất, có sự phân công, phân cấp rõ thẩm quyền cũng như trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Việc báo cáo và quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công. Các đơn vị đã xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

- Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Thực hiện mua sắm phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin liên lạc theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện việc mua sắm tập trung đối với những tài sản thuộc danh mục phải mua sắm tập trung. Các khoản mua sắm, sửa chữa được thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định về định mức sử dụng xe ô tô. Các đơn vị được trang bị phương tiện đi lại sử dụng phục vụ cho công việc chung của đơn vị, đảm bảo đúng định mức, đúng quy định. Các cơ quan, đơn vị có phương tiện đi lại đều ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phương tiện một cách có hiệu quả đảm bảo tiết kiệm nhiên liệu.

- Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng:

- Thực hiện quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích và đảm bảo các quy định của nhà nước. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường quản lý trụ sở làm việc. Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng theo đúng quy định.

- Việc rà soát, sắp xếp lại tài sản công:

Việc rà soát sắp xếp lại tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP. UBND huyện đã thực hiện rà soát phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ tại Công văn số 3135/UBND-KTTH ngày 19/11/2021. Tài sản bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Việc tổ chức xử lý tài sản công bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch không, không để xảy ra tình trạng lãng phí, thất thoát tài sản công.

Việc đấu giá khi bán tài sản công được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, số tiền thu được khi bán đấu giá được nộp vào ngân sách Nhà nước

theo quy định tại Điều 36, Điều 55 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định và các quy định liên quan.

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đến nay các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện đã xác định được mục đích yêu cầu của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác triệt để các nguồn thu.

Các đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ từ đó giúp cho việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, các đơn vị đã xây dựng và công bố công khai chế độ quản lý tài chính và chế độ chi tiêu nội bộ của đơn vị để tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập: 38
- Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 0
- Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên: 03
- Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 0
+ Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên: 0
+ Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên: 0
+ Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên: 0
- Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 35
- Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần: 0
- Đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: 38

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

Tiếp tục xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định liên quan đến việc ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số để áp dụng triển khai trên địa bàn huyện.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

- UBND huyện đã quan tâm đầu tư hạ tầng thông tin phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu CCHC trên địa bàn. Hiện nay số lượng máy tính/CBCC đạt tỷ lệ 100%. Các cơ quan, đơn vị đã quan tâm trang bị phần mềm diệt virus cho máy tính.

- Hạ tầng kết nối Internet: 100% các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đều đã kết nối Internet tốc độ cao. Có thiết bị lưu trữ dữ liệu nội bộ, thiết bị tường lửa bảo vệ các máy chủ và mạng Internet. UBND huyện đã đầu tư hệ thống máy chủ quản lý văn bản và điều hành cấp huyện, cấp xã tại UBND huyện được bố trí đường truyền Internet riêng, sử dụng thiết bị tường lửa Sophos bảo vệ; được trang bị thiết bị lưu trữ dữ liệu nội bộ và hệ thống backup dữ liệu online; kèm theo hệ thống tường lửa, hệ thống chống sét, đường truyền WAN, FTTH…

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, đảm bảo phục vụ các cuộc họp trực tuyến do Trung ương, tỉnh, các ngành cấp trên tổ chức; các cuộc họp giữa cấp huyện và cấp xã.

- Bộ phận Một cửa của UBND huyện, UBND cấp xã có màn hình tra cứu thông tin TTHC... giúp cho người dân, doanh nghiệp thuận tiện khi đến giao dịch; hạ tầng kết nối Internet: 100% các cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn đều đã kết nối Internet tốc độ cao. Có thiết bị lưu trữ dữ liệu nội bộ, thiết bị tường lửa bảo vệ các máy chủ và mạng Internet.

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:

- Thường xuyên phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, phát triển và hoàn thiện các hệ thống nền tảng, dùng chung; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ vào CSDL dùng chung của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các nền tảng dùng chung của quốc gia.

- Tăng cường sử dụng Zalo Official Account để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, thông tin về tình hình dịch bệnh đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

6.4. Kết quả xây dựng phát triển dữ liệu:

- UBND huyện đã thực hiện rà soát các TTHC trên địa bàn huyện báo cáo kết quả rà soát các TTHC còn hiệu lực phục vụ số hóa kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn huyện, phục vụ triển khai Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai.

- UBND huyện Kông Chro đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 17/3/2022 về kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Kông Chro. Ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06). Ban Chỉ đạo Đề án 06 huyện đã hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo Đề án 06 tại cấp cấp xã, cấp thôn, làng, tổ dân phố và triển khai quy trình rà soát, đối chiếu, đồng bộ dữ liệu dân cư.

- Chỉ đạo thủ trưởng, người đứng đầu các phòng, ban, ngành huyện, UBND cấp xã thường xuyên phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về nội dung của Đề án 06. Tiếp tục triển khai thu thập thông tin, làm giàu dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao thông qua việc thực hiện số hóa, chuyển đổi, chuẩn hóa dữ liệu, đảm bảo thông tin "đúng, đủ, sạch, sống" khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Trong thời gia tới triển khai thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện và cấp xã đúng lộ trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 895 /UBND-NC ngày

9/5/2022 về thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

6.5. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.

- Cổng Thông tin điện tử huyện được xây dựng và cấp phép hoạt động theo Giấy phép số 03/GP-TTĐT ngày 07/6/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai. Các mục thông tin chủ yếu của Cổng Thông tin điện tử huyện đáp ứng yêu cầu tại khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, Điều 4 Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Điều 10 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Các thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử huyện đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, phản ánh đầy đủ các hoạt động của lãnh đạo huyện, các ngành, các đơn vị; Hoạt động của 14 Trang Thông tin điện tử của 14 đơn vị hành chính cấp xã được đẩy mạnh và đạt một số kết quả nhất định trong phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền cấp xã.

- Tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước; 100% hồ sơ công việc tại UBND huyện và UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)*.

- Hệ thống Quản lý văn bản điều hành được triển khai liên thông đến UBND các xã, thị trấn thuộc huyện, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử. 100% hồ sơ công việc tại UBND huyện và UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản có nội dung mật). 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn được cấp chứng thư số chuyên dùng Ban Cơ yếu Chính phủ phục vụ công tác trao đổi văn bản điện tử.

- Hệ thống một cửa điện tử của UBND huyện và UBND cấp xã hoạt động ổn định, đáp ứng việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Hệ thống hội nghị truyền hình được vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, đảm bảo phục vụ các cuộc họp trực tuyến do Trung ương, tỉnh, các ngành cấp trên tổ chức; các cuộc họp giữa UBND huyện và UBND cấp xã.

6.6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cung cấp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai nhằm đơn giản hóa việc thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân.

Tăng cường sử dụng Zalo Official Account để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, thông tin về tình hình dịch bệnh đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

6.7. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4:

- Cung cấp 07 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 206 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện; cung cấp 02 DVCTT mức độ 3, 73 DVCTT mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

- Trong Quý III năm 2022, phát sinh 160 hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

- Cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Dần khắc phục những chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị lẫn nhau nhờ thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước giữa các cơ quan chuyên môn.

- Trong lĩnh vực cải cách thể chế, việc thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế "một cửa" theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch được tiến hành rộng rãi tại cơ quan hành chính đã góp phần đổi mới cách thức, quy trình giải quyết các TTHC; tạo chuyển biến tích cực trong quan hệ giữa cơ quan hành chính với công dân và tổ chức; nâng cao kỹ năng nghiệp vụ hành chính, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính; giảm phiền hà, giảm thời gian hơn trước, được nhân dân quan tâm, ủng hộ.

- Các cơ quan xây dựng và ban hành Quy chế về tổ chức hoạt động, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan mình; Từng bước phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với sản xuất kinh doanh, chức năng quản lý hành chính với sự nghiệp.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, CCVC ngày càng được nâng lên, đặc biệt là trình độ chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính; khả năng xử lý, giải quyết công việc ngày một tốt hơn đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Việc áp dụng các quy trình tiếp nhận và trả kết quả qua bộ phận một cửa, một cửa liên thông được thực hiện đúng theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng chính phủ.

- Thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho cơ quan hành chính và một số đơn vị sự nghiệp, nhằm tạo cơ chế thông thoáng, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tăng trách nhiệm cho Thủ trưởng đơn vị; thực hành tiết kiệm, tăng thu nhập, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức.

- Cùng với cải tiến lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, đổi mới tác phong của cán bộ, công chức, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành góp phần chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác CCHC

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC trên địa bàn huyện còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- UBND huyện đã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI nhưng người dân, tổ chức và doanh nghiệp ít quan tâm thực hiện.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI còn thấp.

- Nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC hàng năm của huyện còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn huyện và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời gian tới; trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, UBND huyện đã xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC, kế hoạch kiểm soát TTHC, kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2022; tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch, quy định của tỉnh về công tác CCHC.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm soát TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước.

3. Thực hiện tuyên truyền công tác CCHC theo kế hoạch đã đề ra.

4. Đăng ký danh sách cán bộ, công chức, nhân viên tham gia tập huấn công tác CCHC năm 2022 theo Kế hoạch của Sở Nội vụ.

5. Nâng cao chất lượng thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Bưu điện huyện đảm bảo giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân được nhanh chóng, thuận lợi.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn: Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hành chính, ngoại ngữ, tin học… Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị tỉnh tổ chức tập huấn hướng dẫn việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC cho cán bộ, công chức.

Đề nghị tỉnh có kế hoạch rà soát và tổ chức thi chuyển ngạch cho công chức cấp huyện (cán sự lên chuyên viên).

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả công tác CCHC Quý III năm 2022 *(tính đến 09/9/2022)* và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC 3 tháng cuối năm 2022 của huyện Kông Chro./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- UBND các xã, thị trấn;
- Bưu điện huyện (Bộ phận Một cửa huyện);
- Lưu: VT-UB, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngọc Ẩn

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 533 /BC-UBND ngày 12 /9/2022 của UBND huyện Kông Chro)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	23	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**	18.6	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	43	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	08	
3.	**Kiểm tra CCHC**			
3.1.	Số phòng chuyên môn, UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	09	Cấp huyện báo
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao**			
	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	09	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	09	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	190	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tổng số VBQPPL[1] ban hành**	Văn bản	01	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	01	Cấp huyện báo
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	Cấp huyện báo
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	02	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	02	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

[1]Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	453	
1.2.1.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	*280*	Cấp huyện báo
1.2.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	*173*	Cấp huyện báo
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	150	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	100	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	21	
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	Cấp huyện báo
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	*773*	
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	*773*	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	Cấp huyện báo
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	*2744*	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	*2744*	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*PAKN*	*0*	
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*PAKN*	*0*	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1.	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		Cấp huyện báo
	Đã hoàn thành	Hoàn thành = 1	1	
	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành = 2		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	33	
1.2.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện*	*Cơ quan, đơn vị*	*33*	Cấp huyện báo
1.2.2.	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	*%*	*19.5*	
2.	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	77	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	74	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2	(02 công chức xã)
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	832	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	738	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
	Tổng số cơ quan, tổ chức hành chính	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	33	
	Tổng số đơn vị sự nghiệp	Cơ quan, đơn vị	33	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	14	(14 công chức xã)
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	0	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(Đảng, chính quyền).*		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	**60**	*(Ngày 31/8/2022)*
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	47.532	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	28.632	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN)** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	38	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	3	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*0*	
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*0*	
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*0*	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	35	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến**			Cấp huyện báo
	Tổng số UBND cấp xã	Đơn vị	14	
	Số xã đã liên thông	Đơn vị	14	
2.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
2.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
2.1.1.	*UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 2	*1*	Cấp huyện báo
2.1.2.	*UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện*			Cấp huyện báo
	Tổng số UBND cấp xã	Đơn vị	*14*	
	Số xã đã kết nối	Đơn vị	*14*	
2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100	
2.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	*%*	*100*	Cấp huyện báo
2.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*	*100*	Cấp huyện báo
2.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
2.3.1.	*UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 2	*1*	Cấp huyện báo
2.3.2.	*UBND cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*			Cấp huyện báo

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
	Tổng số UBND cấp xã	Đơn vị	*14*	
	Số xã đã kết nối	Đơn vị	*14*	
3.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở cấp huyện**			Cấp huyện báo
3.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	*100*	
3.1.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*7*	
3.1.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*7*	
3.1.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*0*	
3.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	*100*	
3.2.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*206*	
3.2.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*206*	
3.2.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*7*	
3.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	*100*	
3.3.1	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4*	*Thủ tục*	*213*	
3.3.2	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	*213*	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	*23.4*	*(160/685)*
3.4.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*	*1003*	
3.4.2	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	*160*	
3.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	*100*	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.5.1	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*	*81*	
3.5.2	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*	*56*	
4.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở cấp xã**			Cấp huyện báo
4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	*100*	
4.1.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*2*	
4.1.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*2*	
4.1.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*0*	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	*100*	
4.2.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*73*	
4.2.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*73*	
4.2.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*0*	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	*100*	
4.3.1	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4*	*Thủ tục*	*75*	
4.3.2	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	*75*	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	*0*	
4.4.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*	*2782*	
4.4.2	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	*0*	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	*100*	
4.5.1	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*	*38*	
4.5.2	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*	*13*	